

# Xin Chào Việt Nam

## Biến động thị trường

|                   | 28/02    | 1 ngày | 1T    | 3T    | YTD |
|-------------------|----------|--------|-------|-------|-----|
| VNIndex (điểm, %) | 1,024.68 | 0.3    | (4.8) | (1.1) | 1.7 |
| GTGD (tỷ đồng)    | 6,478    |        |       |       |     |
| VN30 (điểm, %)    | 1,014.96 | 0.3    | (6.7) | (2.7) | 1.0 |

## Các chỉ số

|                        | 28/02       | 1 ngày | 1T     | 3T    | YTD   |
|------------------------|-------------|--------|--------|-------|-------|
| TPCP 1 năm (% đcb)     | 3.87        | 0.0    | (0.6)  | (0.8) | (0.7) |
| TPCP 3 năm (% đcb)     | 3.93        | 0.0    | (0.5)  | (0.8) | (0.7) |
| VND/USD (%)            | 23,791      | (0.0)  | (1.4)  | 3.1   | (0.7) |
| VND/JPY (%)            | 17,467      | (0.4)  | 3.4    | 2.9   | 2.4   |
| VND/EUR (%)            | 25,144      | 0.4    | 1.3    | 1.7   | 0.4   |
| VND/CNY (%)            | 3,430       | (0.1)  | 1.4    | 0.9   | (0.1) |
|                        | Phiên trước | 1 ngày | 1 tuần | 1T    | YTD   |
| TPKB Mỹ 10 năm (% đcb) | 3.94        | 0.0    | 0.5    | 0.4   | 0.1   |
| WTI (USD/thùng, %)     | 76.60       | (0.6)  | 0.2    | (5.7) | (4.6) |
| Vàng (USD/oz, %)       | 83.45       | 1.7    | (1.2)  | (2.3) | (2.9) |

## Giao dịch NĐT tổ chức trong nước

| Mua ròng | (Tỷ đồng) | Bán ròng | (Tỷ đồng) |
|----------|-----------|----------|-----------|
| E1VFN30  | 18.7      | MSB      | (159.7)   |
| IJC      | 8.2       | ACB      | (118.0)   |
| SCR      | 6.3       | HPG      | (44.7)    |
| PNJ      | 5.5       | MBB      | (25.4)    |
| SAB      | 4.7       | HAH      | (24.2)    |

## Giao dịch khối ngoại

| Mua ròng | (Tỷ đồng) | Bán ròng | (Tỷ đồng) |
|----------|-----------|----------|-----------|
| VNM      | 22.6      | HPG      | (50.8)    |
| PVD      | 18.3      | DXG      | (27.8)    |
| PC1      | 16.8      | E1VFN30  | (20.0)    |
| VIC      | 14.5      | KDC      | (14.3)    |
| POW      | 13.3      | NLG      | (12.4)    |

## Biến động theo ngành

| Top 5 ngành tăng     | %   | Top 5 ngành giảm        | %     |
|----------------------|-----|-------------------------|-------|
| Hàng hóa vốn         | 2.8 | Phần cứng & thiết bị    | (2.7) |
| Ô tô & phụ tùng      | 1.9 | Khác                    | (1.9) |
| F&B                  | 1.3 | Thiết bị & DV y tế      | (1.4) |
| Hàng không thiết yếu | 1.0 | Bán lẻ                  | (1.3) |
| Dịch vụ thương mại   | 0.8 | Truyền thông & giải trí | (1.2) |

## CÓ GÌ HÔM NAY?

### Nhận định thị trường & Tin tức

- Nhận định thị trường:** Bẫy tăng giá?

## KIS ước tính lợi nhuận doanh nghiệp

|      | LNHĐ<br>(Tỷ đồng) | LN ròng<br>(Tỷ đồng) | Tăng EPS<br>(% n/n) | PE<br>(x) | PB<br>(x) | EV/EBITDA<br>(x) | ROE<br>(%) |
|------|-------------------|----------------------|---------------------|-----------|-----------|------------------|------------|
| 2018 | 191,785           | 119,519              | 29.7                | 15.2      | 2.7       | 13.6             | 17.7       |
| 2019 | 238,659           | 144,922              | 24.2                | 13.8      | 2.4       | 11.0             | 17.4       |
| 2020 | 270,014           | 151,973              | 49.7                | 11.3      | 1.8       | 9.1              | 16.2       |
| 2021 | 304,264           | 177,159              | 18.7                | 9.5       | 1.6       | 8.1              | 16.4       |

Lưu ý: Dữ liệu tính toán của KIS bao gồm 35 công ty, chiếm 58% lợi nhuận của tổng số doanh nghiệp niêm yết (VN Index) dựa trên mức thu nhập trung bình 3 năm qua

## KIS ước tính chỉ báo vĩ mô Việt Nam

|                             | 1Q22   | 2Q22   | 3Q22   | 4Q22   | 2020   | 2021   | 2022   |
|-----------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| GDP (% n/n)                 | 5.0    | 7.7    | 13.7   | 5.9    | 2.9    | 2.6    | 8.0    |
| Cán cân thương mại (tỷ USD) | 1.4    | 0.8    | (5.8)  | (4.4)  | (19.7) | (4.6)  | (11.2) |
| CPI (% n/n. TB)             | 1.9    | 3.0    | 3.3    | 4.4    | 3.2    | 1.8    | 3.2    |
| Tín dụng (%)                | 4.1    | 8.5    | 10.5   | 12.9   | 12.2   | 13.0   | 12.9   |
| VND/USD (tb)                | 22,837 | 23,139 | 23,712 | 23,658 | 23,126 | 22,790 | 23,650 |
| GDP Mỹ (% n/n)              | 1.1    | (0.9)  | 2.6    | 1.1    | 2.1    | 5.7    | 2.1    |
| GDP Trung Quốc (% n/n)      | 4.3    | 0.3    | 3.9    | 4.3    | 3.0    | 8.1    | 3.0    |

Nguồn: KIS, Bloomberg

## Nhận định thị trường & Tin tức

### Nhận định thị trường

#### Bấy tăng giá?

Thị trường chứng khoán đảo chiều đi lên nhờ hoạt động bắt đáy trên nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn sau khi Tổng cục Thống kê công bố các chỉ số vĩ mô trong tháng 2.

Đóng cửa, VNIndex tăng 0.34% lên 1,024 điểm. Trong khi đó, khối lượng giao dịch là 415 triệu cổ phiếu/6,477 tỷ đồng, giảm tương ứng 34%/38% so với trung bình 5 phiên gần nhất.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng 0.6 tỷ đồng trên HSX. Họ bán ra nhiều nhất HPG, DXG và E1VFN30 với giá trị ròng lần lượt là 50 tỷ đồng, 27 tỷ đồng và 19 tỷ đồng.

Ngân hàng dẫn dắt thị trường nhờ CEO (+3.59%), DIG (+2.27%), DXG (+1.94%), HDG (+5.00%), KBC (+0.71%), TDH (+6.96%), VHM (+1.47%) và VRE (+3.69%).

Dòng tiền đổ vào ngành Năng lượng với tâm điểm là NT2 (+0.70%), PLX (+0.67%), POW (+0.83%), PVD (+0.95%) và PVS (+1.17%).

Một số cổ phiếu cấu thành VN30Index tăng vọt hơn 1% như MSN (+2.63%), VJC (+1.52%) và SAB (+1.46%).

Ngược lại, TCB (-1.85%), NVL (-1.40%), MWG (-1.23%) và PDR (-0.98%) đóng cửa trong sắc đỏ.

Mặc dù có sự phục hồi trong phiên hôm qua, nhưng chỉ số VNIndex vẫn đóng cửa dưới các đường trung bình động quan trọng như đường trung bình động 100 kỳ và 50 kỳ, cho thấy xu hướng giảm trong ngắn hạn. Do đó, nhà đầu tư nên đứng ngoài quan sát.

## Lịch sự kiện

### ► Lịch sự kiện

| Ngày GDKHQ | Ngày thực hiện | Mã  | Sàn   | Nội dung sự kiện                    | Tỷ lệ thực hiện | Giá trị (tỷ đồng) |
|------------|----------------|-----|-------|-------------------------------------|-----------------|-------------------|
| 01/03/2023 | 02/04/2023     | BGW | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |                 |                   |
| 01/03/2023 |                | BLW | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |                 |                   |
| 01/03/2023 | 24/03/2023     | ICN | UPCOM | Trả cổ tức bằng tiền mặt (4,500/cp) | 45.00%          | 4,500             |
| 01/03/2023 |                | STH | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |                 |                   |
| 01/03/2023 | 06/04/2023     | TNS | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |                 |                   |
| 01/03/2023 |                | TTC | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông                |                 |                   |
| 01/03/2023 | 28/03/2023     | TTC | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,200/cp) | 12.00%          | 1,200             |
| 01/03/2023 | 31/03/2023     | VDT | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |                 |                   |
| 01/03/2023 |                | VIH | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |                 |                   |
| 02/03/2023 | 31/03/2023     | BSQ | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |                 |                   |
| 02/03/2023 | 04/04/2023     | D11 | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông                |                 |                   |
| 02/03/2023 |                | DNL | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |                 |                   |
| 02/03/2023 |                | GIC | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông                |                 |                   |

|            |            |     |       |                                     |        |       |
|------------|------------|-----|-------|-------------------------------------|--------|-------|
| 02/03/2023 | 01/04/2023 | HAM | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 02/03/2023 |            | HGW | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 02/03/2023 |            | HHR | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 02/03/2023 |            | POV | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 02/03/2023 |            | PVP | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 02/03/2023 | 24/03/2023 | SAB | HOSE  | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000/cp) | 10.00% | 1,000 |
| 02/03/2023 |            | SEB | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 02/03/2023 | 11/04/2023 | SHB | HOSE  | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 02/03/2023 |            | THP | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 02/03/2023 | 26/04/2023 | V21 | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 03/03/2023 | 03/04/2023 | ABC | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 03/03/2023 |            | BCP | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 03/03/2023 |            | BEL | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 03/03/2023 |            | DAC | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 03/03/2023 |            | FPT | HOSE  | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 03/03/2023 | 07/04/2023 | G36 | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 03/03/2023 |            | HLR | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 03/03/2023 | 27/03/2023 | HMR | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 03/03/2023 | 24/03/2023 | HMR | HNX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,140/cp) | 11.40% | 1,140 |
| 03/03/2023 |            | HSA | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 03/03/2023 |            | NDW | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 03/03/2023 |            | PMB | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 03/03/2023 | 30/03/2023 | PTH | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 03/03/2023 | 07/04/2023 | SAF | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 03/03/2023 | 06/04/2023 | VDS | HOSE  | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 03/03/2023 | 03/04/2023 | VHE | HNX   | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |
| 03/03/2023 | 14/04/2023 | VTA | UPCOM | Đại hội Đồng Cổ đông                |        |       |

- **Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**
  - MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
  - Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
  - Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
  - CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán.
- **Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với ngành trong 12 tháng tới**
  - Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
  - Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
  - Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- **Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

## Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.